

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2025/DS-ST
Ngày: 28-11-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Khen.

2/ Bà Nguyễn Thị Út.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 –Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 236/2025/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 94, đường TVO, phường LC, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 371/25, ấp PH B, xã PH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M trình bày: Vào ngày 26/6/2020 bà có cho ông Đỗ Thanh T vay số tiền 51.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng, thời hạn cho

vay đến ngày 26/7/2020 trả tiền, ngày 30/6/2020 hai bên có đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D lập hợp đồng vay tiền. Đến hạn trả tiền bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả lại tiền nhưng ông T hứa mà không trả. Bà yêu cầu ông T trả lại cho bà số tiền 51.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài số tiền này ông T không còn nợ bà bất cứ số tiền nào khác.

-Bị đơn ông Đỗ Thanh T trình bày: Năm 2019 ông có vay của ông Lâm Tiên N, địa chỉ: số 82/3, khóm 3, phường 3 (phường PH), tỉnh Vĩnh Long số tiền 100.000.000 đồng, có thể chấp quyền sử dụng đất thửa số 6 tờ bản đồ 1213, diện tích 247,4m², loại CLN, tọa lạc ấp Phước Hanh B, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Do không am hiểu pháp luật nên ông N đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Trà M đứng tên. Năm 2020 vì sợ mất đất nên bà M có yêu cầu ông ra Phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D ký hợp đồng thuê nhà, tại phòng công chứng bà M đưa ông ký nhiều giấy tờ, ông không biết giấy tờ gì nên ký, giờ ông mới biết có giấy vay tiền.

Năm 2024 bà M khởi kiện yêu cầu ông giao nhà giao đất cho bà, do sợ mất nhà đất nên tại buổi hòa giải tại Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long vào tháng 10/2025 ông đồng ý chuộc lại đất với giá 400.000.000 đồng, có làm Hợp đồng chuyển nhượng lại cho ông tại Văn phòng công chứng KQ.

Số tiền này ông không có vay của bà M nên ông không đồng ý trả cho bà M.

-Ý kiến của nguyên đơn tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 51.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

-Ý kiến của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn, bị đơn chỉ nhớ có đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D để làm hợp đồng thuê nhà, tại Văn phòng công chứng có đưa cho bị đơn ký nhiều loại giấy tờ, bị đơn cũng không để ý đó là giấy tờ gì, chỉ nghĩ là hợp đồng thuê nhà, bị đơn không biết có hợp đồng vay tiền, chữ ký và chữ viết trong hợp đồng là của bị đơn, nhưng số tiền này bị đơn không có vay nên bị đơn không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ, bị đơn có địa chỉ tại phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 51.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2020 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Trà M và ông Đỗ Thanh T được lập thành văn bản, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Theo hợp đồng: Ông T có vay của bà M số tiền 51.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, từ ngày 26/6/2020 đến ngày 26/7/2020, lãi suất tự thỏa thuận. Ông T không thừa nhận có vay tiền của bà M, nhưng bà M chứng minh được ông T có vay tiền của bà thông qua hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2020 có chữ ký chữ viết của ông T, ông T cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng vay tiền là của ông. Việc ông T cho rằng khi làm hợp đồng thuê nhà bà M có đưa cho ông ký nhiều loại giấy tờ, ông không biết giấy tờ gì nên ký vô, giờ ông mới biết là hợp đồng vay tiền, điều này là không có căn cứ, bởi vì: theo hợp đồng vay tiền, tại phần chữ ký của bên vay tiền, ông T có viết nội dung “ Tôi đã đọc và đồng ý” trước khi ông T ký và viết họ tên vào hợp đồng.

[2.3]. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”, bà M chứng minh được ông T có vay của bà 51.000.000 đồng và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc ông T có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay còn nợ là 51.000.000 đồng.

[2.4]. Về lãi suất: Bà M không yêu cầu ông T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M.

Buộc bị đơn ông Đỗ Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M số tiền vay gốc là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng).

2. Về lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Đỗ Thanh T phải chịu 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0006861 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS ND Khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 1-Vĩnh Long;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Công Bằng